

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12/02/2020

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Kha

2. Ông Phạm Thanh Huân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lệ – Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2019/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng N.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Cao Phương D, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N.

Nguyên đơn, có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/4/2019, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày: Chị và anh Trần Cao Phương D tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 19/4/2010 tại UBND xã Tịnh Ấn Tây, huyện Sơn Tịnh (nay là thành phố Quảng Ngãi). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì anh Duy đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc theo chương trình EPS hợp đồng lao động ngày 04/01/2011. Trong thời gian anh D làm việc tại Hàn Quốc anh D có về thăm nhà một lần vào năm 2014, sau đó anh D trở lại Hàn Quốc tiếp tục làm việc theo hợp đồng lao động, chị và anh D lúc đó chỉ liên lạc với nhau qua điện thoại. Từ ngày 20/01/2016 đến nay chị không liên lạc được với anh D kể cả qua điện thoại và cũng không có tin tức gì về anh D. Theo hợp đồng lao động thì anh D đã hết hợp đồng từ ngày 01/01/2016, chị và gia đình đã tìm mọi cách liên lạc với bạn bè, người thân của anh D để tìm kiếm thông tin

của anh D nhưng đều không có kết quả. Chị cũng đã nhắn tin trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng vẫn không có thông tin xác thực anh D còn sống hay đã chết. Năm 2019 chị có gửi đơn đến Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi yêu cầu tuyên bố một người mất tích đối với anh D theo quy định pháp luật. Ngày 18/3/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi cũng đã ban hành Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2019/QĐST-DS về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích đã có hiệu lực pháp luật. Đến nay thời hạn đã hết nhưng vẫn không có tin tức gì của anh D. Do đó, nay chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Cao Phương D.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Đều không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị T được ly hôn anh D. Ngoài ra, nguyên đơn còn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã thụ lý đơn khởi kiện đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền, giải quyết vụ án trong thời hạn luật định. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trần Cao Phương D đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án (Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử...) tuy nhiên anh D không đến Tòa án làm việc, không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, coi như từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Trần Cao Phương D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 19/4/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Tịnh Ấn Tây, huyện Sơn Tịnh (nay là thành phố Quảng Ngãi), tỉnh Quảng Ngãi. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D là hợp pháp. Anh D và chị T sống chung được một thời gian thì anh D đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Trong thời gian đi

xuất khẩu lao động chị T và anh D vẫn liên lạc với nhau qua điện thoại và anh D cũng có về thăm gia đình vào năm 2014. Tuy nhiên, đến năm 2016 thì anh D không liên lạc gì với chị T, chị T cũng đã tìm mọi cách liên lạc nhưng vẫn không có thông tin gì của anh D.

Sau khi thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật triệu tập hai bên đến để hòa giải, đề động viên anh chị trở lại đoàn tụ chung sống, nhưng bị đơn vẫn không có tin tức gì, anh D không đến Tòa án làm việc. Mặt khác, theo lời trình bày và chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp thì anh D đã không có tin tức và liên lạc gì với chị T từ năm 2016 cho đến nay. Hiện nay, anh D vẫn biệt tích, không có mặt tại địa phương chị T cũng không có tin tức gì về anh D. Theo quyết định số 01/2019/QĐST-DS, ngày 18/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc tuyên bố một người mất tích thì Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã tuyên bố anh D mất tích.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị T và anh D không có cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị Thảo xin ly hôn anh D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[3] *Về con chung, tài sản chung và nợ chung*: Nguyên đơn khai Điều không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0003908, ngày 06 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn anh Trần Cao Phương D.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện

Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003908, ngày 06 tháng 5 năm 2019. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Chị Nguyễn Thị Thu Thảo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (12/02/2020). Đối với anh Trần Cao Phương D không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mộ Đức;
- Các đương sự;
- UBND xã Tịnh Ấn Tây;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Vương

